

Bản án số: 191/2024/HS-ST

Ngày: 18-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên, ông Nguyễn Phúc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 169/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 168/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn P, sinh năm 2004 tại tỉnh Thanh Hóa; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; HKTT: thôn T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Xuân C (sinh năm 1982) và bà Trần Thị L (sinh năm 1983); anh, chị, em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất; vợ, con: Chưa có; danh chỉ bản số 000000304, lập ngày 19/4/2024 tại Công an quận H; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 12/4/2024; tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2024 cho đến nay. Hiện bị giam tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố H. Có mặt

2. Họ và tên: Nguyễn Việt S, sinh năm 1995 tại tỉnh Phú Thọ; tên khác: Không; giới tính: Nam; HKTT: Khu H, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ văn hóa: 9/12;

nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1967) và bà Trần Thị M (sinh năm 1973); anh, chị, em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất; có vợ là Hà Thị L1 (sinh năm 1994) và có 01 con sinh năm 2022; danh chỉ bản số 000000305, lập ngày 15/4/2024 tại Công an quận H; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 12/4/2024; tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2024 cho đến nay. Hiện bị giam tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố H. Có mặt

- Bị hại:

1. Anh Đỗ Mạnh T1, sinh năm 1969; chỗ ở: số C, ngõ E, Hồ T, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Trần Thanh L2, sinh năm 1968 và chị Trần Thị Tuyết M1, sinh năm 1976; chỗ ở: Số A, L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân, Bùi Văn P, sinh năm 2004, hộ khẩu thường trú: phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; sống lang thang, không có nơi ở cố định và Nguyễn Việt S, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Khu H, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ lợi dụng sơ hở của người khác, 02 lần cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản tại Chung cư T thuộc phường M, quận H, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/4/2024, Bùi Văn P và Nguyễn Việt S đang chơi game tại quán D1 (địa chỉ: ngõ A T, phường V, quận H, thành phố Hà Nội) thì P rủ S đi trộm cắp tài sản là xe máy, S đồng ý. P điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đỏ của S (cả 2 đều không nhớ biển kiểm soát) chở S đi quanh khu vực H tìm xem có ai để tài sản là xe máy để trộm cắp. Khi P cùng S đi qua khu vực trước Chung cư TSQ phường, thuộc phường M, quận H, thành phố Hà Nội thì P phát hiện thấy có 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu vàng-đen, BKS 29P1-543.96 của anh Đỗ Mạnh T (sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: số C ngõ E Hồ T, phường M, quận C, thành phố Hà Nội), chiếc xe không khóa cổ, không khóa càng, không có người trông giữ, xung quanh vắng người. Thấy vậy, P nói với S đứng cạnh giới còn P đi vào lấy chiếc xe của anh T, P dắt chiếc xe của anh T đi

đến chỗ S đang đứng cạnh giới. P ngồi lên chiếc xe của anh T, do không có chìa khóa xe không nổ được máy, S điều khiển chiếc xe máy Yamaha Sirius dùng chân đẩy xe máy của anh T do P điều khiển và cùng đi về để xe máy vừa trộm cắp được và xe của S tại quán D1, sau đó cả hai cùng chơi game. P và S thống nhất dùng chiếc xe đã lấy của anh T để làm phương tiện đi lại. Đến sáng ngày 06/04/2024, S sử dụng máy tính đang chơi game lên mạng tìm kiếm chức năng G để liên hệ với người đánh chìa khóa xe máy và hẹn gặp người này tại khu vực hồ V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (S không còn nhớ thông tin liên hệ của người này). Khi gặp người này ở khu vực hồ V, S nói dối người này là chiếc xe Honda Ablade, sơn màu vàng- đen, BKS 29P1-543.96 là của S bị mất chìa khóa và người này đánh cho S một chìa khóa xe với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), S và P đã dùng chiếc chìa khóa này nổ máy chiếc xe và sử dụng chiếc xe để đi lại.

Ngày 12/4/2024, anh Đỗ Mạnh T đến Công an quận H trình báo về việc bị mất trộm chiếc xe Honda Ablade, sơn màu vàng- đen, BKS 29P1-543.96.

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 12/4/2024, lúc này Nguyễn Việt S và Bùi Văn P chơi game tại quán D1, P rủ S đi trộm cắp tài sản là xe máy, S đồng ý. P điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airbale, sơn màu vàng đen, BKS 29P1-543.96 của anh T, chở S đi tìm tài sản để trộm cắp. P và S đi ra phía trước tòa chung cư TSQ thuộc phường M, quận H, thành phố Hà Nội thì P phát hiện thấy 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision sơn màu xám đen, không gắn biển kiểm soát của anh Trần Thanh L (sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: số A L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội), chiếc xe không khóa cổ, không khóa càng, không có người trông giữ. S đứng ngoài cạnh giới, P dắt chiếc xe của anh L đến chỗ S đang đứng cạnh giới. Sau đó, P ngồi trên xe của anh L, S điều khiển xe máy Honda Airblale, BKS 29P1-543.96 dùng chân đẩy xe máy của anh L do P điều khiển cùng đi đến quán D và cùng chơi game tại đây. Đến sáng ngày 12/04/2024, S sử dụng máy tính đang chơi game lên mạng tìm kiếm chức năng G để liên hệ với người đánh chìa khóa xe máy và hẹn gặp người này tại khu vực hồ V (S không còn nhớ thông tin liên hệ của người này). Khi gặp người này ở khu vực hồ V, S nói dối người này là xe Honda Vision, không BKS là của S bị mất chìa khóa và thuê người này làm chìa khóa để mở khóa điện chiếc xe hết số tiền 1,5 triệu đồng. S và P thống nhất mang 02 (hai) chiếc xe máy trên đến địa bàn huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để tìm người bán. Khi đi, Cao Đình T1 (sinh năm 2004; trú tại: xã H, huyện C, thành phố Hà Nội), là người chơi game cùng S, xin đi cùng, T1 không biết 02 chiếc xe máy trên là do

P và S trộm cắp mà có và cũng không biết việc P, S mang xe đi bán. S điều khiển chiếc xe máy Honda Airblade, BKS 29P1-543.96 của anh T, còn P điều khiển chiếc xe máy Honda Vision không đeo BKS của anh L phía sau chở T1, cùng nhau đi đến xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Hồi 10 giờ 00 phút trong khi P và S đang điều khiển chiếc xe của anh T và anh L thì bị Công an xã S, huyện B kiểm tra hành chính, P và S khai nhận nguồn gốc 02 chiếc xe máy đang sử dụng do trộm cắp trên tại địa bàn phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Ngày 12/4/2024, anh Trần Thanh L đến Công an quận H trình báo về việc bị mất trộm chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision sơn màu xám đen, không gắn biển kiểm soát.

Ngày 14/4/2024, Công an huyện B đã bàn giao hồ sơ vụ việc, các đối tượng và 02 chiếc xe máy trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan CSĐT Công an quận H, Bùi Văn P và Nguyễn Việt S xin đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm trên.

Ngày 15/4/2024, Cơ quan CSĐT Công an ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 597, 598/LKX-ĐTTH và tiến hành khám xét nơi ở của Bùi Văn P tại phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa và nơi ở của Nguyễn Việt S tại xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ, đều không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Vật chứng đã thu giữ:

- 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu Vàng đen, BKS 29P1-543.96, số máy JF63E1736954, số khung RLHJF6309FZ736926, đã qua sử dụng, là tài sản S và P đã chiếm đoạt của anh Đỗ Mạnh T;

- 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, sơn màu xám đen, không gắn BKS, số khung RLHJK035RY037972, số máy JK03E3348303, đã qua sử dụng, là tài sản S và P đã chiếm đoạt của anh Trần Thanh L.

Vật chứng không thu giữ được: 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius (S, P không nhớ rõ biển kiểm soát), là chiếc xe S và P đã sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Ngày 15/4/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận H ra Kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐDGTS kết luận giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu Vàng đen, BKS: 29P1-543.96 là 18.656.000 đồng và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, không gắn BKS là 37.014.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 55.670.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu vàng đen, BKS: 29P1-543.96, số máy JF63E1736954, số khung RLHJF6309FZ736926, đã thu giữ. Kết quả điều tra xác định: chủ sở hữu là anh Đỗ Mạnh T, ngày 02/5/2024, anh T có đơn xin lại chiếc xe. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 2801 và tiến hành trao trả chiếc xe máy nêu trên cho anh Đỗ Mạnh T là có căn cứ.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, sơn màu xám đen không gắn biển kiểm soát, số khung RLHJK035RY037972, số máy JK03E3348303, đã thu giữ nêu trên. Kết quả điều tra xác định: chiếc xe là tài sản hợp pháp của anh Trần Thanh L và vợ là chị Trần Thị Tuyết M, chiếc xe được mua ngày 08/4/2024 tại cửa hàng xe máy Cường N ở số E T, quận H, thành phố Hà Nội, chiếc có giấy tờ mua bán, nhưng gia đình anh L chưa đi đăng ký xe, anh L có đơn xin lại chiếc xe. Ngày 02/5/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 2800 và tiến hành trao trả chiếc xe máy nêu trên cho anh Trần Thanh L là có căn cứ.

Đối với chiếc xe nhãn hiệu Yamaha S1 (S, P không nhớ rõ biển kiểm soát), là chiếc xe S và P đã sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 06/4/2024, S khai nhận mua chiếc xe máy này trên mạng với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), S không nhớ biển kiểm soát, ngày 06/4/2024, S lên mạng tìm kiếm người mua bán xe máy cũ và bán này cho một người nam giới không quen biết với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Số tiền này S sử dụng để chi tiêu cá nhân. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng đến nay chưa thu giữ được chiếc xe máy trên.

Đối với Cao Đình T1 là người đi cùng Bùi Văn P và Nguyễn Việt S khi bị Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra. Kết quả điều tra xác định: T1 không tham gia trộm cắp tài sản cùng P và S, khi đi cùng P và S thì T1 không biết nguồn gốc 02 chiếc xe máy là do P và S trộm cắp được mà có, T1 không biết và không tìm chỗ để bán 02 chiếc xe máy giúp S và P. Cơ quan CSĐT Công an quận H không đề cập xử lý đối với T1 là có căn cứ.

Đối với người nam giới, S đã thuê đánh 02 chiếc chìa khóa để S và Phú mở sử dụng được 02 chiếc xe máy đã chiếm đoạt của anh L và anh T. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, Nguyễn Việt S không nhớ thông tin về người này do S tìm kiếm trên mạng google từ máy tính ở quán game; khi thuê đánh chìa khóa, S đều nói nguồn gốc 02 xe máy trên là của S bị mất chìa khóa, không nói xe do S trộm cắp mà có; Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh

cũng như không có căn cứ để đề cập xử lý người đánh chìa khóa trong vụ án này.

Trước Cơ quan điều tra, Bùi Văn P và Nguyễn Việt S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 166/CT-VKS-HĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Bùi Văn Phú, Nguyễn Việt S về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố, không kêu oan và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

Các bị hại là anh Đỗ Mạnh T, anh Trần Thanh L, chị Trần Thị Tuyết M có đơn xin vắng mặt, không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội sau khi luận tội vẫn giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

- Bùi Văn P từ 30 tháng – 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2024.
- Nguyễn Việt S từ 30 tháng – 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2024.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra và điều tra viên - Công an quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

* Về hành vi của bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, đơn trình báo của các bị hại, biên bản kiểm tra hành chính, biên bản tạm giữ tài sản, biên bản về việc trả lại tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có căn cứ xác định:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân, trong ngày 06/4/2024 và ngày 12/4/2024, tại khu vực vỉa hè trước cửa Chung cư T thuộc phường M, quận H, thành phố Hà Nội, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, Bùi Văn P và Nguyễn Việt S đó 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, trong đó: chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu vàng-đen, BKS 29P1-543.96 của anh Đỗ Mạnh T trị giá 18.656.000 đồng và chiếm đoạt 01(một) chiếc xe nhãn hiệu Honda vision, sơn màu xám-đen, không gắn BKS của anh Trần Đình L trị giá 37.014.000 đồng; tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 55.670.000 đồng.

Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Bùi Văn Phú, Nguyễn Việt S về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an an toàn xã hội. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội 02 lần. Vì vậy cần phải có mức hình phạt tù thỏa đáng cân xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ rõ ràng, bị cáo P là người khởi xướng rủ bị cáo S và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo S tích cực giúp sức cho bị cáo P và là người trực tiếp tìm người đánh chìa khóa xe cho 2 chiếc xe máy trộm cắp được nên hình phạt của các bị cáo tương đương nhau.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; bị cáo S có người thân có công với nhà nước; bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; nên Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt tương ứng với các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền.

* Về vật chứng đã được thu hồi và trả lại cho các bị hại anh Đỗ Mạnh T, anh Trần Thanh L1 và chị Trần Thị Tuyết M; các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về các nội dung khác:

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu vàng đen, BKS: 29P1-543.96, số máy JF63E1736954, số khung RLHJF6309FZ736926, đã thu giữ. Kết quả điều tra xác định: chủ sở hữu là anh Đỗ Mạnh T, ngày 02/5/2024, anh T có đơn xin lại chiếc xe. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 2801 và tiến hành trao trả chiếc xe máy nêu trên cho anh Đỗ Mạnh T là có căn cứ.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, sơn màu xám đen không gắn biển kiểm soát, số khung RLHJK035RY037972, số máy JK03E3348303, đã thu giữ nêu trên. Kết quả điều tra xác định: chiếc xe là tài sản hợp pháp của anh Trần Thanh L1 và vợ là chị Trần Thị Tuyết M, chiếc xe được mua ngày 08/4/2024 tại cửa hàng xe máy Cường N ở số E T, quận H, thành phố Hà Nội, chiếc có giấy tờ mua bán, nhưng gia đình anh L1 chưa đi đăng ký xe, anh L1 có đơn xin lại chiếc xe. Ngày 02/5/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 2800 và tiến hành trao trả chiếc xe máy nêu trên cho anh Trần Thanh L1 là có căn cứ.

Đối với chiếc xe nhãn hiệu Yamaha S1 (S, P không nhớ rõ biển kiểm soát), là chiếc xe S và P đã sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 06/4/2024, S khai nhận mua chiếc xe máy này trên mạng với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), S không nhớ biển kiểm soát, ngày 06/4/2024, S lên mạng tìm kiếm người mua bán xe máy cũ và bán này cho một người nam giới không quen biết với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Số tiền này S sử dụng để chi tiêu cá nhân. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng đến nay chưa thu giữ được chiếc xe máy trên.

Đối với Cao Đình T1 là người đi cùng Bùi Văn P và Nguyễn Việt S khi bị Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra. Kết quả điều tra xác định: T1 không

tham gia trộm cắp tài sản cùng P và S, khi đi cùng P và S thì T1 không biết nguồn gốc 02 chiếc xe máy là do P và S trộm cắp được mà có, T1 không biết và không tìm chỗ để bán 02 chiếc xe máy giúp S và P. Cơ quan CSĐT Công an quận H không đề cập xử lý đối với T1 là có căn cứ.

Đối với người nam giới, S đã thuê đánh 02 chiếc chìa khóa để S và Phú mở sử dụng được 02 chiếc xe máy đã chiếm đoạt của anh L1 và anh T. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, Nguyễn Việt S không nhớ thông tin về người này do S tìm kiếm trên mạng google từ máy tính ở quán game; khi thuê đánh chìa khóa, S đều nói nguồn gốc 02 xe máy trên là của S bị mất chìa khóa, không nói xe do S trộm cắp mà có; Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh cũng như không có căn cứ để đề cập xử lý người đánh chìa khóa trong vụ án này.

* Về biện pháp tư pháp:

Đối với chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ là chiếc xe của bị cáo S được sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, cần phải tịch thu sung công nhưng bị cáo S đã bán chiếc xe máy này cho một người nam giới không quen biết với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và chi tiêu cá nhân. Vì vậy, cần truy thu số tiền 2.000.000 đồng đối với bị cáo S.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn P, Nguyễn Việt S phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

- Bùi Văn P 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2024.

- Nguyễn Việt S 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2024.

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Việt S số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Bùi Văn P, Nguyễn Việt S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Công an quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Bộ phận thi hành án hình sự TAND quận Hà Đông;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tiến Khoa